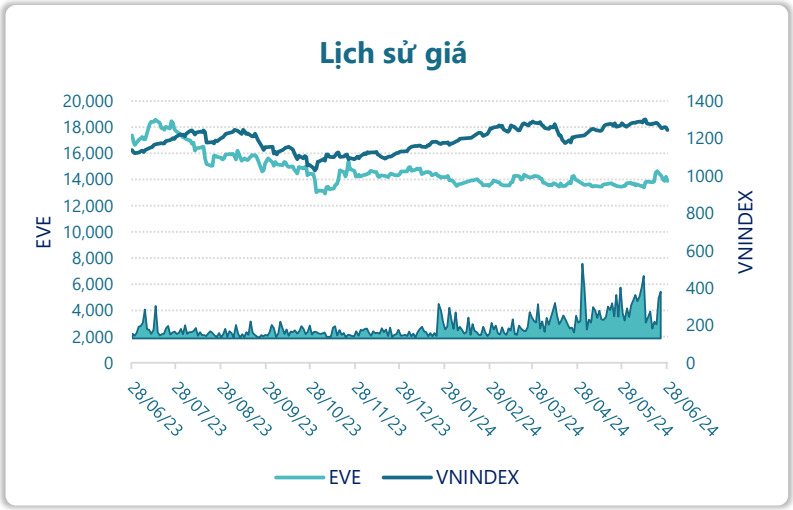
FireAnt

CTCP Everpia (HSX: EVE)



Thông tin giao dịch	28/06/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**13,900**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	18,570
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	12,927
SL cổ phiếu LH	41,979,773
KLGD BQ 20 phiên (CP)	163,520
% sở hữu nước ngoài	60.4%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	584
P/E	9875.1
EPS	1

DT thuần

Q2/24

169

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 2.00| 1.3%

YoY: ▼30.0| -15.0%

LN sau thuế

Q2/24

-8.49

tỷ VNĐ

QoQ: ▼10.1| -618%

YoY: ▼12.4| -316%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/24

-4.0%

+/- YoY: ▼ 8.2%

DT thuần

6T 2024

337

tỷ VNĐ

YoY: ▼12.0| -3.6%

LN sau thuế

6T 2024

-6.85

tỷ VNĐ

YoY: ▼17.7| -164%

ROE

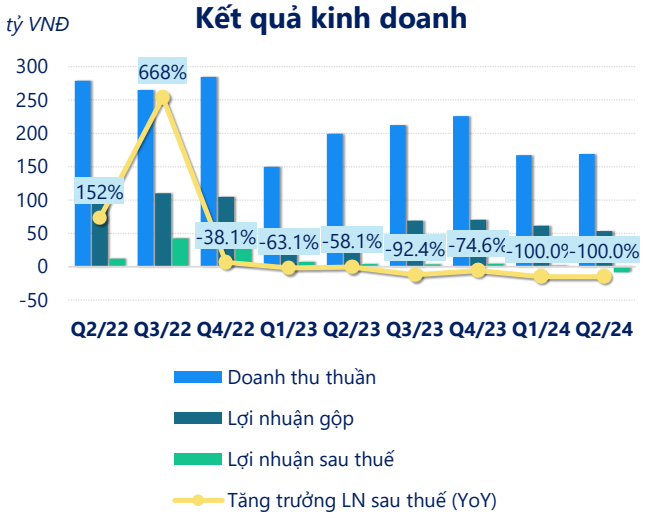
Q2/24

0.0%

+/- YoY: ▼ 8.2%

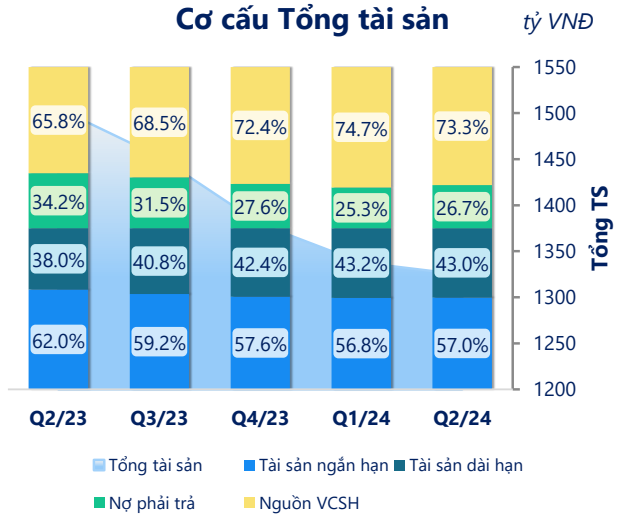
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



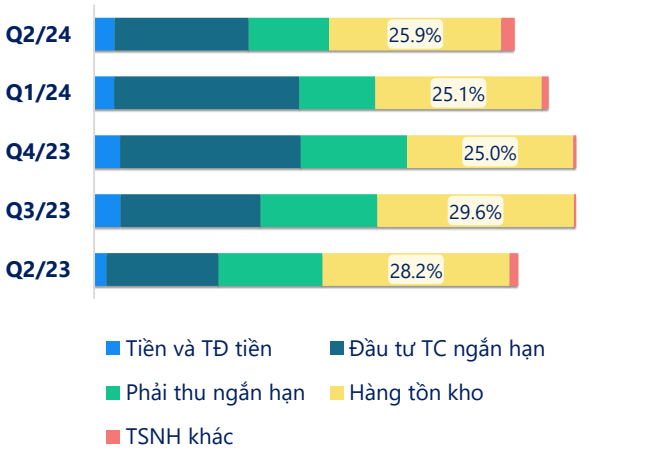
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



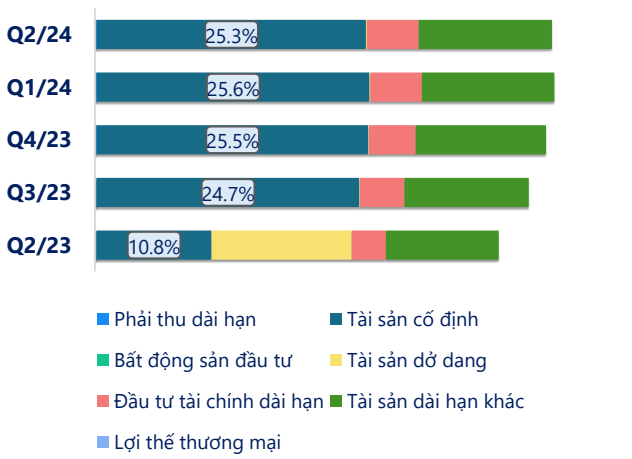
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



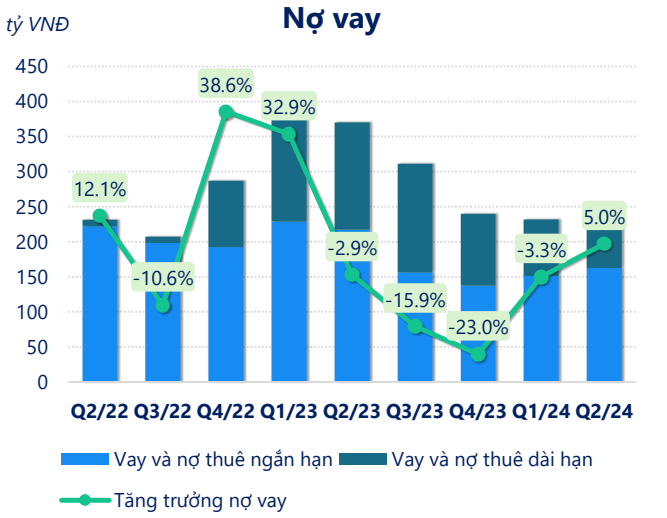
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



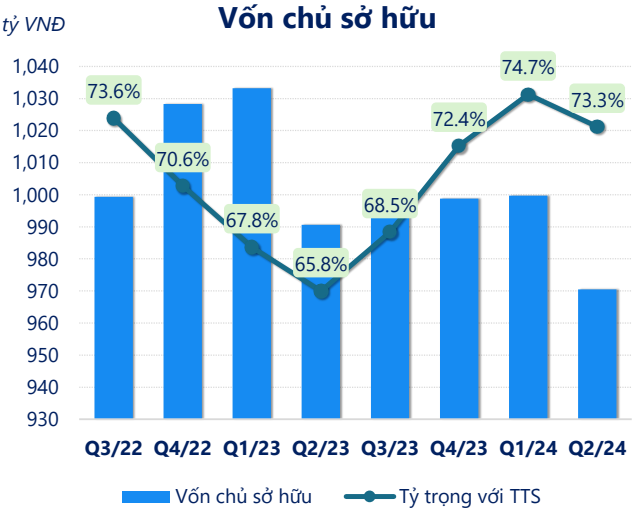
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



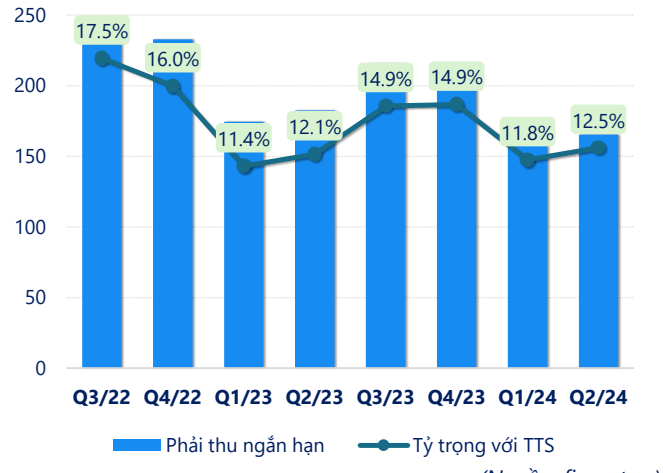
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



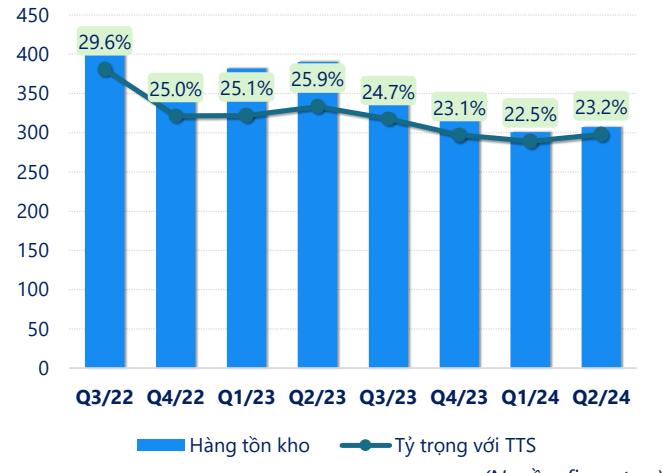
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



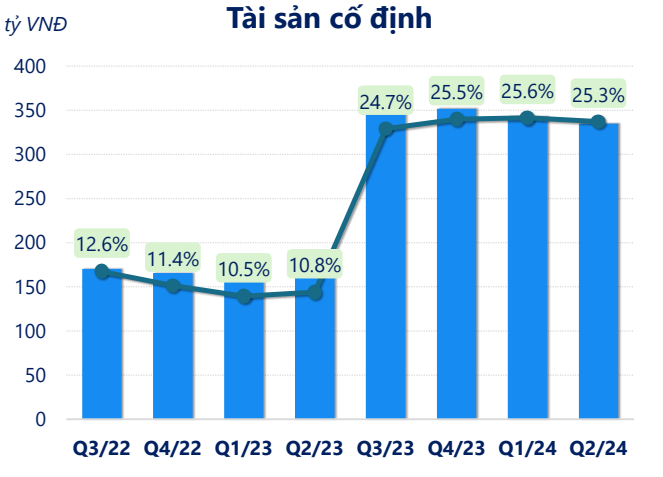
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



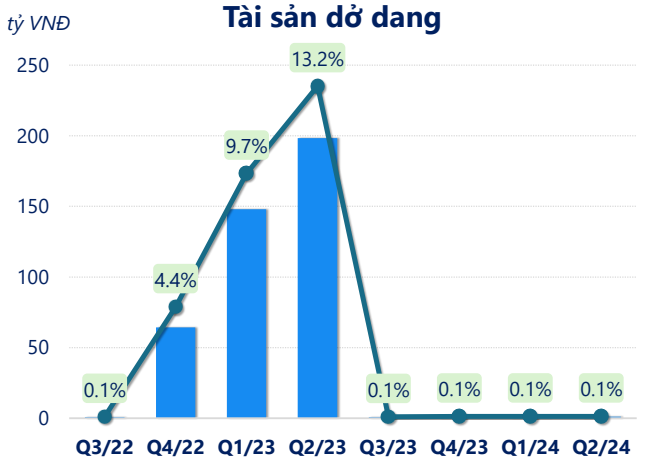
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



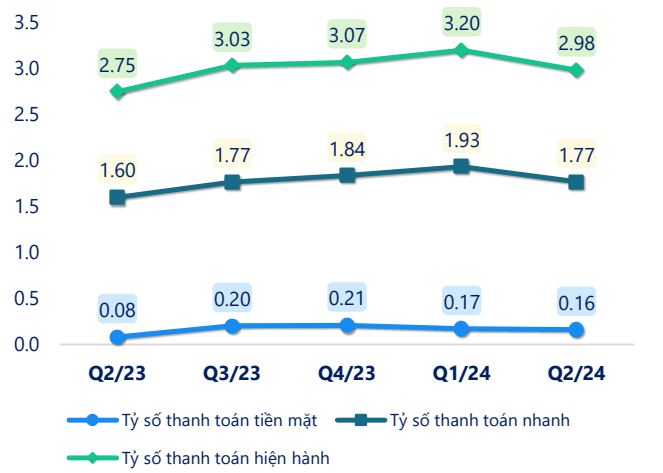
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24	Q2/24
Tổng tài sản	**1,505**	**1,453**	**1,379**	**1,338**	**1,324**
Tài sản ngắn hạn	**934**	**860**	**794**	**760**	**755**
Tiền và tương đương tiền	27.6	57.6	53.8	40.6	40.8
Đầu tư tài chính ngắn hạn	303	211	209	255	236
Phải thu ngắn hạn	182	216	206	158	165
Hàng tồn kho	390	359	319	301	307
Tài sản ngắn hạn khác	29.9	16.8	6.67	6.19	5.98
Tài sản dài hạn	**571**	**592**	**585**	**578**	**569**
Phải thu dài hạn	2.39	2.45	2.65	2.65	2.63
Tài sản cố định	163	359	352	343	335
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	198	0.84	1.02	1.02	1.02
Đầu tư tài chính dài hạn	48.4	60.5	60.4	65.0	64.4
Tài sản dài hạn khác	160	170	169	166	166
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**515**	**458**	**381**	**338**	**354**
Nợ ngắn hạn	**340**	**284**	**259**	**238**	**253**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	217	156	137	151	163
Phải trả người bán ngắn hạn	67.2	60.6	66.9	45.9	52.2
Nợ dài hạn	175	174	122	100	101
Vay và nợ thuê dài hạn	153	155	102	80.8	80.8
Nguồn vốn chủ sở hữu	**991**	**995**	**999**	**1,000**	**970**
Vốn chủ sở hữu	**991**	**995**	**999**	**1,000**	**970**
Vốn điều lệ	420	420	420	420	420
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)